TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 09 - 5 - 2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Hồ Thị Tú N, sinh năm: 1995; địa chỉ: Số 01 đường A, khu phố 3, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Trần T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 01 đường LD, khu phố 1, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị Tú N trình bày:

Chị N và anh Trần T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Bà Rịa ngày 29/3/2013. Quá trình chung sống, anh T thường xuyên tụ tập bạn bè, bỏ nhà đi chơi, không quan tâm vợ con. Chị có khuyên nhưng anh T không thay đổi mà mâu thuẫn càng trầm trọng hơn và chị đã đem con về nhà mẹ ruột sống hơn 2 năm nay. Chị N nhận thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc,

thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo cuộc hôn nhân này được nữa. Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Trần T.

Về con chung: Chị N và anh T có 1 con chung tên Trần V, sinh ngày 22/3/2016. Từ khi ly thân đến nay, con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Trần T được biết. Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân*:* Yêu cầu của chị Hồ Thị Tú N xin ly hôn với anh Trần T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị N được ly hôn với anh T; Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trần V, sinh ngày 22/3/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành và chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hồ Thị Tú N yêu cầu ly hôn với anh Trần T; bị đơn hiện đang cư trú tại phường P, thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Tú N và anh Trần T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 29/3/2013 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị N thì trong quá trình chung sống, giữa chị và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai nên đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh T, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà chị N đã giao nộp cho Tòa án, đồng thời đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án làm việc để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị N; cũng như thông báo để anh T đến tòa án tham gia phiên hòa giải, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Như vậy lời khai của chị N về việc gia đình chị mâu thuẫn, không có hạnh phúc là có cơ sở. Việc anh T không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh anh không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Trần V, sinh ngày 22/3/2016 đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và đến nay, cháu chưa đủ 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc, dạy dỗ thường xuyên của người mẹ. Vì vậy yêu cầu của chị N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành là chính đáng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Tú N được ly hôn với anh Trần T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần V, sinh ngày 22/3/2016 cho chị Hồ Thị Tú N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi trưởng thành (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị Tú N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2016/0008613 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Chị N đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm . Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND TP Bà Rịa;
-Chi cục THA DS TP Bà Rịa;
-UBND phường P, TP Bà Rịa;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung